

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2022
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị KhuY, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y - sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Xóm a, thôn L, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn T - sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Đ, huyện U, thành phố Hà Nội.

Hiện đang áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, thành phố Hà Nội

(Chị Y và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Y là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Cường năm 2019. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Bản thân anh T mãi chơi, không tu chí làm ăn và nghiện ma túy. Sau khi kết hôn, anh T phải đi áp dụng biện pháp cai nghiện. Khi trở về, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, đã tìm mọi cách để anh T cai nghiện nhưng anh T vẫn không cai được. Giữa năm 2022, anh T tiếp tục bị áp dụng biện

pháp đi cai nghiện bắt buộc với thời gian 22 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, thành phố Hà Nội. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: có 01 con chung là Đoàn T. A – sinh ngày 06/9/2019. Hiện cháu đang ở với chị. Chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được nuôi cháu An và không yêu cầu anh T cấp dưỡng vì: chị đang làm công nhân ở Khu công nghiệp Hà Nam mức thu nhập bình quân là 7.000.000 đồng/tháng; cháu An còn nhỏ; anh T thì đang đi cai nghiện. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt. Ah Đoàn Văn T là bị đơn trình bày: anh đã hết tình cảm với chị Nguyễn Thị Y nên anh xin được ly hôn. Về con chung: anh ủy quyền cho chị Y nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Y và anh Đoàn Văn T đều có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Đoàn Văn T. Về con chung, giao chị Y là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn T. A – sinh ngày 06/9/2019; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Chị Y phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Đoàn Văn T có đăng ký nơi cư trú: Thôn Kim Giang, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đoàn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: ngày 23 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhận được Hợp đồng Lao động số 0407/HĐLD ngày 19/12/2018 và Đơn xin xác nhận ngày 15/12/2022 của chị Nguyễn Thị Y. Tài liệu chứng cứ nêu trên chứng minh cho lời khai của chị Y là công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn, Hà Nam với mức thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 26/9/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; anh T chơi bời không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân anh T nghiện ma túy nhiều năm và đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính – cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, thành phố Hà Nội. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị Y và anh T liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt. Anh T nghiện ma túy và đang đi cai nghiện bắt buộc. Nay chị Y có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Chị Y cương quyết ly hôn, anh T đồng ý.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị Y và anh T mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đoàn Văn T có 01 con chung là cháu Đoàn T. A – sinh ngày 06/9/2019. Chị Y đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T có ý kiến ủy quyền cho chị Y nuôi con, xong không có quan điểm ý kiến về tiền cấp dưỡng.

Xét về tính ổn định, môi trường sinh hoạt cũng như tuổi của các cháu thì Hội đồng xét xử thấy: hiện cháu An chưa đủ 36 tháng tuổi và đang ở với chị Y, chị là công nhân có mức thu nhập bình quân là 7.000.000đ/tháng nên chị Y có công việc ổn định, có thu nhập. Anh T hiện tại đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc. Vì vậy, giao chị Y nuôi cháu An là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Y không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Y, anh Đoàn Văn T không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đoàn Văn T có 01 con chung. Sau ly hôn, giao chị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn T. A – sinh ngày 06/9/2019; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đoàn Văn T đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057767 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS Ứng Hòa;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện